

Số: /TNMT-TNKS

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2023

V/v tăng cường quản lý hoạt động
khai thác cát, sỏi lòng sông và bảo vệ
lòng, bờ bãi sông trên địa bàn tỉnh

Kính gửi:

- UBND các huyện, thành phố;
- Các doanh nghiệp khai thác cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Thực hiện Công văn số 2024/UBND-KTN ngày 11/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tập trung triển khai, thực hiện Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; Sở Tài nguyên và Môi trường có một số ý kiến như sau:

1. Đề nghị UBND các huyện, thành phố:

- Tiếp tục đôn đốc các tổ chức, cá nhân kinh doanh, tập kết cát, sỏi nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hoặc liên quan đến đề điều phải thực hiện lập hồ sơ cấp giấy phép theo quy định của pháp luật về thủy lợi, đề điều. Lắp đặt bảng thông báo để công khai thông tin của bến, bãi tập kết cát, sỏi với nội dung: địa chỉ cung cấp cát, sỏi được tập kết tại bến bãi; lắp đặt trạm cân, camera để giám sát khối lượng cát, sỏi mua- bán tại bến bãi; diện tích bến bãi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản (cát, sỏi) trên địa bàn, nhất là tại các khu vực giáp ranh giữa các huyện, các tỉnh theo quy chế phối hợp; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản theo quy định.

- Tổ chức thực hiện nghiêm các nội dung khác theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 2024/UBND-KTN ngày 11/5/2021 và các văn bản có liên quan.

2. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác cát, sỏi trên địa bàn tỉnh (có danh sách kèm theo) thực hiện nghiêm một số nội dung sau:

- Chấp hành nghiêm thời gian khai thác cát, sỏi theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 3101/UBND-TN ngày 16/7/2020, cụ thể: Thực hiện khai thác cát, sỏi đảm bảo thời gian hoạt động khai thác trong ngày từ 07 giờ sáng đến 17 giờ chiều, cấm khai thác ngoài thời gian trên, nhất là vào ban đêm.

Nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông, bãi bồi ven sông vào mùa lũ hàng năm từ ngày 15 tháng 6 đến hết ngày 31 tháng 10.

- Trước khi hoạt động khai thác trở lại thực hiện việc công khai thông tin Giấy phép khai thác với các nội dung: tọa độ, diện tích, sơ đồ phạm vi khu vực khai thác, thời gian khai thác, phương tiện khai thác đã đăng ký khi cấp giấy phép, đề người dân, địa phương giám sát; kết quả thực hiện báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thành phố.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung khác theo yêu cầu tại giấy phép khai thác khoáng sản được UBND tỉnh cấp và quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- LĐ Sở (GD, PGD-PT);
- P. TN&MT các huyện, thành phố;
- VPS, TNKS;
- Lưu: VT, TNKS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Văn Xuyên

**DANH SÁCH CÁC DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CẤP PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (CÁT, SỎI)
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG (ĐẾN NAY CÒN THỜI HẠN)**

(Kèm theo Công văn số /TNMT-TNKS ngày /6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Quyết định cấp phép; ngày, tháng, năm; cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép		Doanh nghiệp khai thác	Tên, vị trí khu vực mỏ	Tuyên sông	Diện tích (ha)	Trữ lượng mỏ/c.suất khai thác (m ³ , tấn)	Thời hạn cấp phép	Ghi chú
1.	144/QĐ-TNMT ngày 08/9/2011	Sở TN&MT	Công ty TNHH Tín Trung	Khu vực Bãi Đọ Làng, xã Tiên Hưng, Tiên Nha và Cương Sơn, huyện Lục Nam	Lục Nam	30,5	397.007/10.000	10 năm	Đã hết hạn GP (đang gia hạn GP)
2.	205/QĐ-UBND ngày 11/4/2016	UBND tỉnh	Công ty cổ phần Việt Bắc	Khu vực Nhân Định và Đồng Tấu, xã Yên Định, huyện Sơn Động	Lục Nam	14,5	277.800/25.000	09 năm	
3.	607/QĐ-UBND ngày 10/10/2018	UBND tỉnh	Công ty TNHH Đại Hoàng Dương	Khu vực xã Bó Hạ, Đồng Tâm, Đồng Kỳ, Tân Sỏi, huyện Yên Thế và xã Hợp Đức, huyện Tân Yên	Sông Sỏi	14,6	127.992/16.500	08 năm	
4.	512/QĐ-UBND ngày 27/10/2015	UBND tỉnh	Hợp tác xã khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng Cương Sơn	Khu vực Cẩm Y thuộc thị trấn Lục Nam và các xã Tiên Hưng, Huyền Sơn, Khám Lạng, huyện Lục Nam	Lục Nam	22,74	312.788/32.000	10 năm	
5.	373/QĐ-UBND ngày 11/6/2019	UBND tỉnh	Công ty TNHH 1TV Chiến Yên	Khu vực bãi sỏi Xuân Biều, thôn Xuân Giang, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa	Sông Cầu	3,0	234.817/48.000	5,5 năm	
6.	363/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 (điều chỉnh)	UBND tỉnh	Hợp tác xã khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng Yên Sơn	Khu vực thôn Chấn Đồng, Chấn Làng, Trại Cầu, xã Yên Sơn và thôn Vũ Trù Làng, thôn Dăm, xã Vũ Xá, huyện Lục Nam	Lục Nam	17,0	172.072/32.000	đến ngày 12/2022	Đã hết hạn GP (đang gia hạn GP)
7.	237/QĐ-UBND ngày 27/4/2016	UBND tỉnh	Công ty TNHH khoáng sản Yên Anh	Khu vực xã Đèo Gia và xã Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn	Lục Nam	34,9	283.715/24.000	12 năm	

STT	Quyết định cấp phép; ngày, tháng, năm; cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép		Doanh nghiệp khai thác	Tên, vị trí khu vực mở	Tuyên sông	Diện tích (ha)	Trữ lượng mỏ/c.suất khai thác (m ³ , tấn)	Thời hạn cấp phép	Ghi chú
8.	753/QĐ-UBND ngày 30/11/2018	UBND tỉnh	Công ty cổ phần đầu tư Đức Long	Khu vực bãi soi Ninh Tào, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa	Sông Cầu	4,0	186.827/ 24.582	7,5 năm	
9.	1173/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	UBND tỉnh	Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Hồng Phát	Khu vực Dầm Đình, Xóm Bền thuộc xã Huyền Sơn, Khám Lạng, Bắc Lũng, huyện Lục Nam	Lục Nam	40,9	474.000/ 32.000	12/2031	
10.	374/QĐ-UBND ngày 20/4/2022	UBND tỉnh	Công ty TNHH 1TV Giai Thị	Khu vực thôn Chiên Sơn, thôn Tân Quang, xã Chiên Sơn và thôn Cẩm Đàn, thôn Ao Giang, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động	Lục Nam	3,79	80.522/ 12.000	05 năm	
11.	743/QĐ-UBND ngày 19/12/2016	UBND tỉnh	Công ty TNHH 1TV Thành Thảo	Khu vực thôn Đồng Bộc, thôn Cẩm Nang, thôn Nghè 1, 2, xã Tiên Nha, thôn Vườn, An Lễ, xã Cương Sơn, thôn Ngạc Làng, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam và thôn Phú Xuyên, xã Phương Sơn, huyện Lục Ngạn	Lục Nam	22,7	276.580/ 31.000	06 năm	
12.	780/QĐ-UBND ngày 13/11/2017	UBND tỉnh	Công ty TNHH phát triển xây dựng Long Dương	Bãi soi Xạ (Ông Xạ), xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa	Sông Cầu	5,0	269.420/ 44.000	06 năm	
13.	362/QĐ-UBND ngày 14/6/2018	UBND tỉnh	Công ty cổ phần xây dựng kiến trúc và thương mại Green House	Khu vực lòng sông Cầu thuộc thôn Hữu Nghi, xã Ninh Sơn và thôn Kim Sơn, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên	Lục Nam	5,2	87.631/ 18.000	05 năm	Dừng hoạt động

STT	Quyết định cấp phép; ngày, tháng, năm; cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép		Doanh nghiệp khai thác	Tên, vị trí khu vực mở	Tuyến sông	Diện tích (ha)	Trữ lượng mỏ/c.suất khai thác (m ³ , tấn)	Thời hạn cấp phép	Ghi chú
14.	565/QĐ-UBND ngày 25/9/2018	UBND tỉnh	Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh VLXD Thôn Lạnh	Khu Bến Lạnh, thôn Lạnh, khu Đá Vách, thôn Lạnh và khu Quảng Hải, thôn Thia, xã Lệ Viễn, huyện Sơn Động	Lục Nam	4,475	40.220/ 4.500	9,5 năm	Dừng hoạt động
15.	687/QĐ-UBND ngày 02/11/2018	UBND tỉnh	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng khai thác khoáng sản Hưng Tín	Khu vực bãi soi Đồng Đạo, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa	Sông Cầu	3,5	261.704/ 48.000	06 năm	
16.	415/QĐ-UBND ngày 27/6/2019	UBND tỉnh	Công ty cổ phần Đầu tư 286 (nhận chuyển nhượng của DN tư nhân Quang Hùng)	Khu vực lòng sông Lục Nam thuộc xã Phượng Sơn, Mỹ An, huyện Lục Ngạn và xã Trường Giang, huyện Lục Nam	Lục Nam	26,51	399.680/ 25.000	đến tháng 01/2025	
17.	294/QĐ-UBND ngày 16/5/2019	UBND tỉnh	Công ty TNHH đầu tư thương mại Công Minh	Khu vực bãi soi Cẩm Bào, xã Xuân Cẩm và bãi soi Xuân Biều, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa	Sông Cầu	1,5	125.724/ 31.431	04 năm	Chưa HĐ
18.	375/QĐ-UBND ngày 11/6/2019	UBND tỉnh	Công ty TNHH khai khoáng Dũng An Phát	Khu vực bãi soi Đồng Vân và bãi soi Giang Đông, xã Đồng Tân, huyện Hiệp Hòa	Sông Cầu	3,1	98.177/ 20.000	05 năm	Dừng hoạt động
19.	532/QĐ-UBND ngày 31/7/2019	UBND tỉnh	Công ty TNHH Quỳnh Phương	Khu vực bãi soi Hương Ninh, thôn Hương Ninh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa	Sông Cầu	5,0	151.986/ 40.000	08 năm	
20.	871/QĐ-UBND ngày 23/9/2020	UBND tỉnh	Công ty TNHH Cổ phần Cảng Tiên Du	Khu vực bãi soi Hương Ninh, thôn Hương Ninh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa	Sông Cầu	3,5	228.154/ 40.000	29/6/2026	
21.	297/QĐ-UBND ngày 14/5/2018	UBND tỉnh	Công ty TNHH 1TV tư vấn dịch vụ đo vẽ bản đồ Việt Ngọc	Khu Bến Kép, Đoàn Kết, Thủ Dương, Mỹ An, thuộc xã Tân Lập, Tân Quang, Nam Dương, Mỹ An, H. Lục Ngạn	Lục Nam	25,3	395.782/ 49.500	8,5 năm	

STT	Quyết định cấp phép; ngày, tháng, năm; cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép		Doanh nghiệp khai thác	Tên, vị trí khu vực mở	Tuyến sông	Diện tích (ha)	Trữ lượng mở/c.suất khai thác (m ³ , tấn)	Thời hạn cấp phép	Ghi chú
22.	1177/QĐ-UBND ngày 17/12/2020	UBND tỉnh	Công ty TNHH 1TV tư vấn dịch vụ đo vẽ bản đồ Việt Ngọc	Lòng sông Lục Nam, khu vực Trại Thập, Tân Thịnh, thuộc các xã Tân Lập, Tân Quang, Đòng Cốc, huyện Lục Ngạn	Lục Nam	20,02	225.000/ 45.000	5 năm	
23.	1178/QĐ-UBND ngày 17/12/2020	UBND tỉnh		Lòng sông Lục Nam, khu vực Khuôn A, thuộc các xã Đèo Gia, Phú Nhuận, H. Lục Ngạn	Lục Nam	20,02	225.000/ 45.000	5 năm	
24.	374/QĐ-UBND ngày 11/6/2019	UBND tỉnh	Công ty cổ phần gạch Trường Sơn Bắc Giang	Khu thôn Thịnh Long, thôn Long Xá, thôn Thạch Xá, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng	Yên Dũng	20,0		12 năm	
25.	880/QĐ-UBND Ngày 29/9/2020	UBND tỉnh	Công ty CP Gạch tuynel Đa Thịnh	Tại xã Yên Lư, huyện Yên Dũng	Yên Dũng	10,08		7 năm	